

Số: 14/2016/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 9 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 tỉnh Hà Tĩnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2002; Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Luật đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 1023/UBTVQH13, ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP, ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định 34/2016/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 308/TTr-UBND, ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 tỉnh Hà Tĩnh; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 tỉnh Hà Tĩnh như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 tỉnh Hà Tĩnh để làm căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2016-2020 của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh, đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Các loại nguồn vốn đầu tư công trong quy định này bao gồm: Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn xây dựng cơ bản (XD CB) tập trung, nguồn thu tiền cấp quyền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn tăng thu ngân sách hằng năm (nếu có), vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, nguồn vốn hỗ trợ chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là các sở, ngành và địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2016-2020.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân chia ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020

Việc phân chia các ngành, lĩnh vực được thực hiện theo quy định tại Mục I của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020

Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2016-2020 được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

1. Phải nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 của tỉnh và các ngành, lĩnh vực, địa phương; các

quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt. Trong đó, ưu tiên đầu tư các lĩnh vực đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn nhằm thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền.

2. Bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 100/NQ-QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 1023/UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

4. Bố trí vốn tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Bảo đảm thực hiện đúng quy trình, nguyên tắc công khai, minh bạch và cân đối mặt bằng chung giữa các địa phương, ngành, lĩnh vực; việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm phải chấp hành theo quy định của Luật đầu tư công về thời gian, bảo đảm không làm thay đổi mục tiêu, cơ cấu đã xác định của kỳ kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Bảo đảm quản lý thống nhất, tập trung về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

7. Việc bố trí vốn ngân sách nhà nước trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương trong giai đoạn 2016-2020 theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng (ưu tiên cho các dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán) nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

b) Các dự án chuyên tiếp bố trí theo tiến độ được phê duyệt, trong đó ưu tiên tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các cấp, các ngành và các địa phương;

c) Sau khi bố trí cho các nội dung nói trên, số vốn còn lại (nếu có) mới được bố trí cho các dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5

Điều 54 của Luật đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

d) Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư theo quy định tại Điều 57 của Luật đầu tư công.

8. Các cấp, các ngành phải quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật đầu tư công, không để phát sinh thêm nợ đọng xây dựng cơ bản. Chi bố trí vốn kế hoạch đầu tư công để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày Luật đầu tư công có hiệu lực.

9. Trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020, đối với từng nguồn vốn, dành lại dự phòng 10% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn (quy định tại khoản 6 Điều 54 của Luật đầu tư công và Điều 7 của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP), cụ thể như sau:

a) Xử lý trượt giá sau khi đã sử dụng hết số vốn dự phòng trong tổng mức đầu tư được duyệt của từng dự án theo quy định của pháp luật;

b) Bổ sung đầu tư dự án khẩn cấp và dự án cần thiết mới phát sinh; đối ứng cho các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài chưa có trong danh mục kế hoạch đầu tư trung hạn;

c) Vấn đề cấp bách khác phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn.

10. Việc phân cấp quản lý, thực hiện phân bổ nguồn vốn cho các cấp ngân sách, trước mắt chưa giao cân đối cho các huyện, thành phố, thị xã chủ động quyết định phân bổ mà để thực hiện những công trình, dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý nhưng do tỉnh quyết định đầu tư. Việc phân cấp nguồn vốn phải được thực hiện theo lộ trình gắn với phân cấp quản lý đầu tư và quản lý nhà nước về loại và cấp công trình.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia và trái phiếu Chính phủ

1. Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo các chương trình mục tiêu: Thực hiện theo quy định tại mục VI Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 100/2015/QH13, ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16 tháng 8 năm 2016; Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về

Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

3. Đối với nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ quy định trong các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu cấp quyền sử dụng đất)

Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương (bao gồm cả ngân sách tỉnh, huyện, xã) được thực hiện theo các nguyên tắc chung nêu tại Điều 4 quy định này. Việc phân bổ chi tiết nguồn ngân sách huyện, ngân sách xã được phân bổ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã. Đối với ngân sách địa phương do tỉnh quản lý, ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc chung nói trên, được phân bổ theo các quy định cụ thể như sau:

1. Mức vốn cân đối ngân sách địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao, sau khi thực hiện phân bổ cho các khoản chi chung, không phân cấp cho các ngành, đơn vị, địa phương; phần còn lại được phân bổ theo tỷ lệ giữa cấp tỉnh và cấp huyện như sau:

- a) Phân bổ cho các ngành, đơn vị cấp tỉnh: 50%;
- b) Phân bổ cho các huyện, thành phố, thị xã: 50%.

2. Các khoản chi chung được phân bổ cho các khoản sau:

- a) Dự phòng 10%;
- b) Trả nợ vay và tạm ứng;
- c) Đối ứng các chương trình, dự án ODA;
- d) Hỗ trợ đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP);
- đ) Bố trí cho các công trình, dự án cấp bách khác của địa phương.

3. Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương cho các ngành, đơn vị cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 7 quy định này.

4. Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố, thị xã được thực hiện theo quy định tại Điều 8 quy định này.

Điều 7. Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương cho các ngành, đơn vị cấp tỉnh

1. Nguồn vốn phân cấp cho các ngành, đơn vị cấp tỉnh được bố trí cho các công trình, dự án do các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh quản lý.

2. Việc xác định tỷ lệ phân bổ vốn cho các ngành, lĩnh vực bảo đảm bám sát và thực hiện mục tiêu phát triển theo Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

3. Tỷ lệ phân bổ cho các ngành, lĩnh vực giai đoạn 2016-2020 cụ thể như sau:

TT	Ngành, lĩnh vực	Giai đoạn 2016-2020 (%)
	Tổng cộng	100,0
1	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	10,0
2	Công nghiệp	6,5
3	Thương mại – Du lịch	5,0
4	Giao thông vận tải	15,0
5	Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, rác thải	5,0
6	Kho tàng	1,0
7	Văn hóa – Thể thao	4,5
8	Khoa học, công nghệ	10,0
9	Thông tin, truyền thông và công nghệ thông tin	4,0
10	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	14,5
11	Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm	9,0
12	Xã hội	2,0
13	Tài nguyên, môi trường	2,0
14	Quản lý nhà nước	5,5
15	Quốc phòng, an ninh	6,0

Điều 8. Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố, thị xã

1. Tiêu chí phân bổ

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết) cho các địa phương gồm 5 nhóm sau:

- a) Tiêu chí dân số: Bao gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số;
- b) Tiêu chí về trình độ phát triển: Bao gồm tỷ lệ hộ nghèo và số thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất, dầu thô, thuế xuất nhập khẩu);
- c) Tiêu chí diện tích: Bao gồm diện tích đất tự nhiên và diện tích đất trồng lúa, tỷ lệ đất trồng lúa trên diện tích đất tự nhiên;

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính: Bao gồm số đơn vị hành chính cấp xã, số xã miền núi, bãi ngang, số xã biên giới đất liền;

đ) Các tiêu chí bổ sung, bao gồm: Thành phố, thị xã thuộc tỉnh và huyện mới chia tách.

2. Xác định điểm của tiêu chí dân số cụ thể như sau:

a) Điểm của tiêu chí dân số trung bình:

Dân số trung bình	Điểm
Dưới 50.000 người được tính	5
Trên 50.000 người, cứ tăng thêm 10.000 người được tính thêm	1,5

Dân số trung bình của các huyện, thành phố, thị xã để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu do Cục Thống kê cung cấp trước năm lập kế hoạch.

b) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số:

Số dân	Điểm
Cứ 500 người được tính	1

Số người dân tộc thiểu số của các huyện để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Phòng Dân tộc) trước năm lập kế hoạch.

3. Xác định điểm tiêu chí về trình độ phát triển: Cách tính như sau:

a) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Tỷ lệ hộ nghèo đến 10% được tính	5
Trên 10%, cứ thêm 1% thì được tính thêm	1,5

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ số liệu cung cấp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước năm lập kế hoạch. Năm 2015 lấy theo số liệu phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2016.

b) Điểm tiêu chí thu nội địa:

Thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất, dầu thô, thuế xuất nhập khẩu)	Điểm
Đến 60 tỷ đồng được tính	3
Trên 60 tỷ đến 120 tỷ đồng, cứ 20 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1,5
Trên 120 tỷ đồng, cứ 20 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	2

Số thu nội địa (không bao gồm khoản thu từ sử dụng đất, dầu thô, thuế xuất nhập khẩu) được xác định căn cứ vào số thực hiện do Cục Thuế tỉnh cung cấp năm trước của năm lập kế hoạch.

4. Xác định điểm tiêu chí diện tích được tính như sau:

a) Diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên	Điểm
Dưới 200 km ² được tính	3
Từ 200 km ² trở lên, cứ tăng thêm 50 km ² được tính thêm	1

Diện tích đất tự nhiên xác định điểm lấy theo số liệu diện tích đất tự nhiên do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp trước năm lập kế hoạch.

b) Diện tích đất trồng lúa:

Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 10% được tính	2
Từ trên 10% đến 20%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	0,3
Trên 20% trở lên, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	0,4

Diện tích đất trồng lúa xác định điểm lấy theo số liệu diện tích đất trồng lúa do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp trước năm lập kế hoạch.

5. Xác định điểm tiêu chí đơn vị hành chính:

Điểm của đơn vị hành chính cấp xã:

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Cứ 1 xã, phường, thị trấn được tính	1
Cứ 1 xã miền núi, vùng bãi ngang được tính thêm	0,5
Cứ 1 xã biên giới đất liền được tính thêm	1

Số liệu đơn vị hành chính cấp xã căn cứ vào số liệu của Sở Nội vụ; xã bãi ngang căn cứ vào số liệu của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; số liệu xã miền núi, xã biên giới căn cứ vào số liệu của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Phòng Dân tộc) cung cấp trước năm lập kế hoạch.

6. Xác định điểm các tiêu chí bổ sung:

Đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố, thị xã	Điểm
Thành phố trực thuộc tỉnh	30
Thị xã trực thuộc tỉnh	20
Huyện mới chia tách (huyện Kỳ Anh)	15

7. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh xác định chi tiết số điểm của từng đơn vị để làm căn cứ phân bổ vốn cân đối ngân sách địa phương trung hạn và hằng năm (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và xổ số kiến thiết) và quy định các mốc thời gian, cơ quan cung cấp số liệu để làm căn cứ xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể.

Điều 9. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn thu cấp quyền sử dụng đất

1. Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất được phân chia theo tỷ lệ % tỉnh, huyện, xã do Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đối với phân tỉnh trực tiếp phân bổ chủ yếu cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án; trả nợ vay nhân rồi Kho bạc nhà nước; quy hoạch, kiểm kê, đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các công trình trọng điểm, các công trình an sinh xã hội của tỉnh.

3. Đối với phân huyện, xã trực tiếp phân bổ do Hội đồng nhân dân huyện, xã xác định nguyên tắc, tiêu chí cụ thể nhưng phải đảm bảo nguyên tắc chung quy định tại Điều 4 quy định này và định hướng tỉnh giao để đảm bảo cơ cấu theo quy định của Trung ương.

Điều 10. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn thu xổ số kiến thiết

Thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Văn bản số 4373/BTC-NSNN, ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc phân bổ và sử dụng nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết và các văn bản quy định hiện hành.

Điều 11. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vượt thu ngân sách hàng năm (nếu có)

Việc phân bổ nguồn tăng thu ngân sách hàng năm (nếu có) được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 12. Nguyên tắc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

Việc sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được thực hiện theo các Hiệp định ký kết giữa Chính phủ Việt Nam với các nhà tài trợ, đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ.

Điều 13. Nguyên tắc sử dụng nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước

Việc sử dụng nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước được thực hiện theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng

Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội và các quy định hiện hành có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN


Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa và tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khóa XVII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 24 tháng 9 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 10 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm CB-TH VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin VP HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. 



CHỦ TỊCH

Lê Đình Sơn